

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HS-ST
Ngày 14-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bể
2. Bà Trần Thị Nơi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Công T, sinh ngày 15-01-1991, tại huyện Yên, tỉnh Tuyên Quang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã P, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã T1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công T, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Nguyễn Hải Y; có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-7-2021, hiện tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (đã chết).

- Những người đại diện hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T2:

1. Cụ Nguyễn Thị L, sinh năm 1939 (là mẹ đẻ bà T2)
 3. Ông Lê Văn S, sinh năm 1961 (là chồng bà T2)
 4. Anh Lê Văn S, sinh năm 1987 (là con bà T2)
- Đều cư trú tại: Thôn V, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- Người đại diện theo ủy quyền cho cụ L, anh S: Ông Lê Văn S, sinh năm 1961
- có mặt.

- Những người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn H, xã H1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
2. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn L, xã T1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
3. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Thôn A, xã T1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 06 giờ 10 phút ngày 11-6-2021, Trần Công T có giấy phép lái xe hạng A1, D theo quy định điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, loại xe tải có mui, S màu trắng, tải trọng 580kg, BKS 17C-11282 chở hàng (quả dưa hấu và quả V) đi giao cho khách trên địa bàn huyện Hưng Hà. Sau khi giao hàng, T điều khiển xe ô tô về trả cho anh Khúc Văn G ở thôn H, xã C, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái B. Khoảng 6 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe ô tô đi đến đoạn đường ĐH 59 thuộc địa phận thôn N, xã T1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái B thì phát hiện bà Nguyễn Thị T2 điều khiển xe đạp mini màu đỏ đi phía trước cùng chiều và cách chỗ xe ô tô do T điều khiển khoảng 15m. Lúc đó, T điều khiển xe đi với vận tốc khoảng 45km/h, không có tín hiệu bằng còi, xe đạp do bà T2 chưa tránh về bên phải. Khi xe ô tô cách xe đạp khoảng 3m, quan sát phía trước không phương tiện khác đi ngược chiều, T đánh lái sang trái vượt xe của bà T2 nên phần đầu phía bên phải xe ô tô đã đâm vào phần đuôi xe đạp, người bà T2 làm bà T2 ngã bị thương và chết trên đường đi cấp cứu.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 137/PY/PC09 ngày 18-6-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái B đối với bà Nguyễn Thị T2, kết luận: “Đa chấn thương vùng đầu, mặt và toàn thân do tai nạn giao thông làm vỡ phức tạp xương sọ vùng thái dương bên trái, xương vỡ lún vào trong, dập não. Nạn nhân Nguyễn Thị T2 chết do chấn thương sọ não.”

Bản cáo trạng số 99/CT-KSHH ngày 01-9-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái B truy tố bị cáo Trần Công T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Công T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án và nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện theo ủy quyền cho bị hại ông Lê Văn S trình bày: Ông xác định lời khai của bị cáo T là đúng. Đến nay bị cáo đã bồi thường cho những người đại

diện hợp pháp của bị hại số tiền là 150.000.000 đồng (đã nhận đủ), ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác. Ông đề nghị HĐXX, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà giữ quyền công tố tại phiên tòa khẳng định quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Công T về tội “Vi Phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Công T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Công T từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm, giao bị cáo Trần Công T cho UBND xã T1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái B giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo với đại diện theo ủy quyền cho bị hại về việc bị cáo đã bồi thường xong cho những người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 150.000.000 đồng, ông S không yêu cầu bị cáo bồi thường bất kỳ khoản nào tiền khác; Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: trả lại cho bị cáo T 01 Giấy phép lái xe hạng A1, D số 330146011931 mang tên Trần Công T. Về án phí bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Ông S không có ý kiến tranh luận, đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về T hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Lời khai của bị cáo Trần Công T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường do Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái B lập ngày 11-6-2021; Biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông, bản ảnh phương tiện do Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái B ngày 14-6-2021; Biên bản khám nghiệm tử thi lập ngày 11-6-2021; Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 137/PY-PC09 ngày 18-6-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái B; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu và Biên bản làm việc do Công an huyện Hưng Hà lập ngày 11-6-2021; Lời khai của những người làm chứng anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Xuân T, anh Nguyễn Văn S, anh Khúc Văn G và ông Lê Văn S cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 11-6-2021, tại đường ĐH 59 thuộc địa phận thôn N, xã T1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái B, bị cáo Trần Công T có giấy phép lái xe theo quy định, đã có hành vi điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, loại xe tải có mui, S màu trắng, tải trọng 580kg, BKS 17C-11282. Bị cáo nhìn thấy bà Nguyễn Thị T2 điều khiển xe đạp mi ni đi phía trước cùng chiều, không có tín hiệu bằng còi, xe đạp do bà T2 chưa tránh về bên phải, bị cáo đánh lái sang trái vượt xe do bà T2 điều khiển nên phần đầu phía bên phải xe ô tô đã đâm vào phần đuôi xe đạp làm bà T2 chết. Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Công T vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật giao thông đường bộ làm chết người.

Hành vi lái xe ô tô gây tai nạn của bị cáo Trần Công T đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Điều 14: Luật giao thông đường bộ, vượt xe

“1. Xe xin vượt phải có báo hiệu bằng đèn hoặc còi; trong đô thị và khu đông dân cư từ 22 giờ đến 5 giờ chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn”

Điều 260: Bộ luật Hình sự, tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

...;

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng, đối với hành vi phạm tội của bị cáo HĐXX thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Công T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ. Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc loại tội rất nghiêm trọng. Vì vậy cần phải lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy:

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn tỏ ra ăn năn, hối cải; sau khi vụ án xảy ra bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại; đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Vì vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo bản thân, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng có tác dụng giáo dục và cũng thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hành vi điều khiển xe ô tô gây tai nạn của bị cáo là lỗi vô ý nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm bồi thường: Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và đại diện bị hại đã thỏa thuận bị cáo bồi thường cho đại diện bị hại số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), ông S không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác, đối với chiếc xe mini do bà T2 điều khiển đã bị hư hỏng nặng, ông S không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Xét thấy sự thỏa T2 này là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần ghi nhận. Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, loại xe tải có mui, S màu

trắng, tải trọng 580kg, BKS 17C-11282 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Khúc Văn Giới do bị cáo T điều khiển gây tai nạn bị hư hỏng nhẹ, anh Giới không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản tiền gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, loại xe tải có mui, S màu trắng, tải trọng 580kg, BKS 17C-11282, quá trình điều tra xác định thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Khúc Văn G. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái B đã trả lại cho anh G cùng các loại giấy tờ liên quan gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký ô tô mang tên chủ xe Nguyễn Văn G; 01 Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô BKS 17C-112.82 là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với 01 xe đạp mi ni, S màu đỏ đã qua sử dụng, bị hư hỏng do tai nạn giao thông, 01 chiếc nón lá đã qua sử dụng và 02 chiếc dép xốp quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bà T2 nên Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái B đã trả lại cho ông S những đồ vật, tài sản này là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng A1, D số 330146011931 mang tên Trần Công T, đây là giấy tờ hợp pháp của bị cáo nên cần tuyên trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà là phù hợp nên cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Công T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Công T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14-9-2021). Giao bị cáo Trần Công T cho UBND xã T1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm bồi thường: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại về việc bị cáo đã bồi thường xong cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), ông S không yêu cầu bị cáo bồi thường bất kỳ khoản nào tiền khác.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo Trần Công T 01 Giấy phép lái xe hạng A1, D số 330146011931 mang tên Trần Công T.

(Vật chứng trên do Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái B đang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01-9-2021 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái B).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Công T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Công T và ông Lê Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp cho bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái B;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái B;
- Viện kiểm sát ND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy

